

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ THANH TÂM

**CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG
VỆ CHÍNH ĐẢNG THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN Ở TÂY NGUYÊN)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN KHẮC HẢI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG	10
1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC TỘI DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG	10
1.1.1. Khái niệm các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng	10
1.1.2. Đặc điểm của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng	18
1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG.....	22
1.2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.....	22
1.2.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985	26
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	32
1.2.4. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay	34
1.3. CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC	35
1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga.....	35
1.3.2. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.....	39
1.3.3. Bộ luật hình sự Thụy Điển	40
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TẠI TÂY NGUYÊN	44
2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG.....	44
2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý của phòng vệ chính đáng	44
2.1.2. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 – Bộ luật hình sự)	55
2.1.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 – Bộ luật hình sự).....	60
2.2. THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2014.....	63

2.2.1.	Tình hình chính trị, kinh tế xã hội trên địa bàn Tây Nguyên.....	63
2.2.2.	Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.....	64
2.3.	MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG	69
Chương 3: SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG		
3.1.	SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG VÀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG	84
3.2.	CƠ SỞ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG.....	86
3.3.	MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG.....	90
3.3.1.	Trước mắt nên ra văn bản hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu căn cứ xác định hành vi chống trả của người phòng vệ được coi là cần thiết.....	90
3.3.2.	Nên quy định chế định phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành thành một phần riêng, tách biệt ra với phần quy định trong Chương tội phạm cùng với các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác	92
3.3.3.	Cần sửa đổi quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng cụ thể hóa các trường hợp được quyền phòng vệ	93
3.3.4.	Cần thêm quy định cụ thể gây thương tích cho nhiều người và “làm chết nhiều người” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành và giảm mức hình phạt đối với các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.....	97
3.3.5.	Hình phạt tù trong các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên giảm xuống để thể hiện rõ hơn chính sách hình sự của nhà nước về các trường hợp phạm tội này. Ngoài ra cần cụ thể hóa số nạn nhân để tiện cho việc áp dụng pháp luật	98
3.3.6.	Nên có thêm hướng dẫn rõ ràng hơn về vấn đề phương tiện và phương pháp của người phòng vệ và người xâm hại	100
3.3.7.	Nên bỏ đi tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS....	100
KẾT LUẬN.....		102
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO		105

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Về mặt lập pháp thì quyền phòng vệ chính đáng đã được ghi nhận rõ nét đặc biệt là từ khi xuất hiện Bộ luật hình sự năm 1985. Cho đến Bộ luật hình sự hiện hành năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 thì những quy định này đã được chỉnh sửa để phù hợp hơn với thực tiễn và tạo điều kiện cho việc phát huy trên thực tế. Bằng quy định này, pháp luật cho phép công dân được quyền chống trả lại các hành vi xâm hại các lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Về mặt lý luận, phòng vệ chính đáng luôn là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu do những cách hiểu và các quan điểm khác nhau đặt ra từ hoạt động lập pháp cũng như áp dụng pháp luật. Từ những nhận thức về thời điểm xuất hiện quyền phòng vệ đến bản chất, đặc điểm, cách gọi của quyền phòng vệ vẫn còn đang có những quan điểm gây tranh cãi như phòng vệ hay tự vệ, chính đáng hay cần thiết v.v...

Về mặt thực tiễn, phòng vệ chính đáng trên thực tế đã và đang phát huy những tác dụng tích cực. Tuy nhiên vẫn còn có nhận thức chưa đúng khiến cho việc sử dụng quyền này từ phía người tự vệ lẫn việc áp dụng những quy định trong Bộ luật hình sự về quyền phòng vệ chính đáng này còn nhiều vấn đề trên thực tế, làm giảm hiệu quả của việc bảo vệ quyền con người, lợi ích của xã hội, cũng như giảm hiệu quả của Bộ luật hình sự. Tây nguyên là địa bàn có mật bằng dân trí còn thấp so với các vùng miền khác của cả nước đặc biệt là sự hiểu biết pháp luật.

Với những lý do trên, tác giả đã lựa chọn vấn đề "***Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)***" làm đề tài nghiên cứu khoa học cho luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong Sách chuyên khảo Sau đại học của GS. TSKH. Lê Văn Cẩm "***Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)***" có thống kê các công trình tiêu biểu ở Liên Xô cũ như: "***Những điều kiện và các giới hạn của phòng vệ chính đáng***" (Nxb. Sách pháp lý, Mátxcova, 1969) của tác giả Trixkevich I. X.; "***Các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự***" (Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Xaratôv, 1978) của tác giả Xtrutchkôv N.A.; "***Chương X - Các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi***", Giáo trình Luật hình sự, Phần chung (Nxb. Sách pháp lý, Mátxcova, 1994) của tác giả Tkatenko V.I.; "***Các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi***" (Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Xaratôv, 1991) của tác giả Babulon Iu.V; v.v... Các công trình nói trên đã đề cập những vấn đề chung nhất về khái niệm, bản chất, tên gọi và hệ thống các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi hoặc đi sâu vào một số trường hợp cụ thể là phòng vệ chính đáng hoặc tình thế cấp thiết. Hơn nữa, các nghiên cứu này đã từ rất lâu, hiện nay, Liên bang Nga đã ban hành Bộ luật hình sự năm 1996, sửa đổi năm 2010.

Ngoài ra, nội dung nghiên cứu cũng được gián tiếp đề cập trong một số sách báo pháp lý, chẳng hạn như tác giả Ashworth (người Anh) có cuốn sách "***Principles of Criminal Law***" (Các nguyên tắc của luật hình sự) (Nxb. Oxford University Press, Inc., 1995). Công trình đề cập khái quát đến các vấn đề nguyên tắc và chính sách

liên quan đến sự hình thành của pháp luật hình sự, của các nguyên tắc và việc áp dụng của các cơ quan lập pháp, Tòa án, cơ quan cải cách pháp luật, trong đó có đề cập đến phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết là hai trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự. Hay tác giả Jerome Hall (người Anh) có cuốn sách “*Criminal Law*” (Luật hình sự) (Nxb. Bobbs Merrill Company, 1947, tái bản năm 2005. Cuốn sách đề cập đến cơ sở lý luận nền tảng của các nguyên tắc của luật hình sự, các vấn đề cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, cũng như các lý thuyết vận dụng, trong đó cũng có đề cập đến trường hợp phòng vệ chính đáng và tình trạng khẩn cấp. Chương 4 - “Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự” trong sách: “*Swedish Law in the New Millennium*” (Luật hình sự Thụy Điển trong giai đoạn mới) do GS. Michael Bogdan chủ biên (Norstedts Juridik, Printed in Sweden by Elanders Gotab, Stockholm, 2000). Chương sách đã đề cập đến lý luận chung về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, nhưng lại mang bản chất của một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam như: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, thi hành mệnh lệnh của cấp trên;...

Ở Việt Nam, trước đây đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này như: Chương thứ năm - “*Những trường hợp (tình tiết) loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*” trong “*Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*” (Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005); Sách tham khảo “*Về vấn đề phòng vệ chính đáng*” (Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1987) của tác giả Đặng Văn Doãn; “*Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*” (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998) và “*Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự*” (Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009) của ThS. Đinh Văn Quý; “*Chương IX - Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*” trong sách: *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)* (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tái bản 2007) của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí; mục 4 Chương 2 “*Những trường hợp không phải là tội phạm*” trong sách: *Tội phạm và trách nhiệm hình sự* (Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2013) của TS. Trịnh Tiến Việt;... Những công trình này đã phân tích khái niệm, nội dung, bản chất pháp lý và điều kiện áp dụng của các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, trong đó có phòng vệ chính đáng.

Bên cạnh đó, cũng có một số bài viết có giá trị liên quan trực tiếp đến vấn đề này nhưng chỉ đề cập ở mức độ chung như: “*Một vài suy nghĩ về phòng vệ chính đáng*” (Tập chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 2/1996) của TS. Hoàng Văn Hùng; “*Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 4/1999) của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí; “*Những trường hợp đặc biệt liên quan đến các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2001) và “*Quy định về phòng vệ chính đáng theo Bộ luật hình sự năm 1999*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 8/2001) của TS. Giang Sơn; “*Phải coi đây là phòng vệ chính đáng*” (Tập chí Khoa học pháp lý, số 5/2001) và “*Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những vấn đề đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam*” (Tập chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 4/2013) của TS. Trịnh Tiến Việt;...

Như vậy, các công trình nghiên cứu nói trên đã đề cập đến vấn đề về phòng vệ chính đáng và gián tiếp là trách nhiệm hình sự do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam, xác định những bất cập để đề xuất những giải pháp cụ thể, góp phần tiếp tục hoàn thiện các quy định này trong thời gian tới.

- Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quy định các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam qua các thời kỳ.

+ Nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, làm sáng tỏ bản chất pháp lý của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam.

+ Khảo sát đánh giá tình hình xét xử của tòa án đối với các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng từ năm 2010 đến năm 2014 tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên; tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, điều kiện của những tồn tại, hạn chế đó trong quá trình áp dụng pháp luật.

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, nhận thức đầy đủ và áp dụng đúng đắn thống nhất các tội phạm này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ Phạm vi về nội dung

+ Phạm vi về chủ thể tiến hành

+ Phạm vi về địa bàn

+ Thời gian nghiên cứu

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, thống kê, so sánh, tọa đàm, trao đổi, chuyên gia, phương pháp nghiên cứu án điển hình.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- *Ý nghĩa lý luận*

- *Ý nghĩa thực tiễn*

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được chia thành 3 chương.

- Chương 1.* Một số vấn đề lý luận về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.
- Chương 2.* Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xử lý các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng tại Tây Nguyên.
- Chương 3.* Sự cần thiết, cơ sở và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC TỘI DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.1.1. Khái niệm các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

1.1.1.1. Khái niệm phòng vệ chính đáng

Từ thực tiễn xét xử cũng như những tinh thần của những văn bản trên về phòng vệ chính đáng cho thấy những đặc điểm cơ bản của nó như sau:

Một là, bốn điều kiện để hành vi không bị coi là tội phạm trong trường hợp phòng vệ chính đáng:

- a) Mức độ nguy hiểm cho xã hội đáng kể của hành vi xâm hại;
- b) Hành vi xâm hại cần phải đang tồn tại và chưa kết thúc;
- c) Hành vi phòng vệ cần phải được thực hiện bằng việc gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, chứ không phải là cho người thứ ba và;
- d) Cường độ của hành vi phòng vệ cần phải tương xứng với cường độ của hành vi xâm hại.

Hai là, phòng vệ tương đương là việc gây thiệt hại cho người khác mà người phòng vệ tưởng lầm rằng người khác ấy thực hiện sự xâm hại nguy hiểm cho xã hội đối với mình.

Ba là, vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng là hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trong trường hợp thiếu một trong bốn điều kiện đã nêu trên và đặc biệt là, khi hành vi phòng vệ rõ ràng là quá đáng không tương xứng với hành vi xâm hại.

Sau đó, đến khi pháp điển hóa lần thứ nhất, khoản 1 Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1985 đã ghi nhận khái niệm phòng vệ chính đáng như sau:

Phòng vệ chính đáng là hành vi vì bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, của người khác mà chống trả lại một cách tương xứng người có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

Như vậy, định nghĩa trên đây là định nghĩa pháp lý có tính khoa học thể hiện rõ nét bản chất chính trị, xã hội và pháp lý của phòng vệ chính đáng. Nó là cơ sở khoa học thống nhất cho việc xác định một hành vi được coi là thực hiện trong phòng vệ chính đáng, hướng cho mỗi công dân thực hiện quyền phòng vệ của mình đúng pháp luật, qua đó phát huy tính tích cực chủ động của mình.

1.1.1.2. Khái niệm về tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Để làm rõ vấn đề này, phân tiếp theo tác giả đã giải thích:

Để xác định xem có phải là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hay không, cần phải xem xét các yếu tố như mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi trái pháp luật, mức độ thiệt hại của hành vi phòng vệ gây ra. Trong trường hợp người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng là quá đáng và gây thiệt hại quá mức (gây thương tích nặng, gây chết người...) trong khi nguy cơ đe dọa của hành vi trái pháp luật không phải là lớn thì người phòng vệ vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Tính chất của quan hệ xã hội bị đe dọa xâm hại;
- Mức độ thiệt hại bị đe dọa gây ra;
- Sự mãnh liệt của hành vi tấn công;
- Tính chất và mức độ nguy hiểm của phương pháp và phương tiện mà kẻ tấn công sử dụng;
- Khả năng phòng vệ của người phòng vệ. v.v...

Tuy nhiên có thể do được quy định trong bộ Luật hình sự nên định nghĩa này nếu nói chính xác là định nghĩa về phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chứ không phải là định nghĩa vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Trên cơ sở đó, ta có thể định nghĩa tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau:

Tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây ra những thiệt hại đáng kể cho người có hành vi xâm hại.

1.1.2. Đặc điểm của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Từ khái niệm trên có thể thấy các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có một số đặc điểm sau đây:

- *Khách thể của tội phạm*
- *Mặt khách quan của tội phạm*

Hành vi khách quan của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thể hiện bằng việc dùng vũ lực để gây thiệt hại về thể chất cho người có hành vi xâm hại.

Theo quy định tại khoản 2, điều 15 BLHS, trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng khi có đủ điều kiện:

Thứ nhất, phải có hành vi tấn công của nạn nhân xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của người phạm tội hoặc của người khác. Hành vi xâm hại đó đang diễn ra đang trực tiếp xâm hại hoặc đe dọa xâm hại ngay tức khắc đến các lợi ích hợp pháp cần bảo vệ.

Thứ hai, người phạm tội đã dùng vũ lực để tác động lên thân thể của người xâm hại nhằm triệt tiêu hành vi xâm hại, không cho nó tiếp tục gây ra các thiệt hại cho các lợi ích cần bảo vệ.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*
- *Chủ thể của tội phạm*

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

Lịch sử lập pháp đi liền với sự phát triển của lịch sử dân tộc. Trong khoảng thời gian từ thế kỷ X sau công nguyên là thời kỳ xây dựng Nhà nước độc lập bắt đầu từ thời họ Khúc (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo), đến thời họ Ngô (Ngô Quyền), họ Đinh (Đinh Bộ Lĩnh) và tiền Lê (Lê Hoàn) sau khi trải qua cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Đường, nhà Tống (Trung Quốc). Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII là khoảng thời gian trị vì đất nước của nhà Lý (Lý Công Uẩn, Lý Thái Tổ...), Nhà nước Đại Cồ Việt đổi tên thành nước Đại Việt. Vào năm 1042, Lý Thái Tông ra lệnh cho Quan Trung thư xây dựng cuốn Hình thư để dân thi hành cho tiện, song khôn thay, sách ấy ngày nay không còn nữa. Nhờ các tài liệu vụn vặt tản mác trong sử cũ, ngày nay cũng có thể có một quan niệm tổng hợp về tinh thần đặc sắc của luật pháp Triều Lý, phản chiếu rõ rệt cái cá tính độc lập truyền thống của dân tộc Việt Nam, hơn nữa còn minh chứng rằng trên lập trường thực tế, dân ta tuy bị vùi lấp trong chính sách ngu dân non 1000 năm, song chỉ cần một thời gian độc lập không đầy một thế kỷ cũng tiến đến một trình độ pháp lý rất khả quan.

Chế định này đã có những bước tiến vượt bậc trong Bộ luật Hồng Đức văn bản được đánh giá là tiến bộ, khá đầy đủ và hoàn thiện.

1.2.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985

Đây là giai đoạn lịch sử dài, theo sự phát triển chung của Luật hình sự còn có thể được chia làm các giai đoạn nhỏ khác, tuy vậy với nội dung cần phân tích là những quy định liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng, qua khảo sát chúng tôi nhận thấy trong thời gian này pháp luật hình sự Việt Nam cũng không có nhiều các quy định liên quan đến phòng vệ chính đáng vì vậy chúng tôi phân tích từ giai đoạn năm 1945 đến pháp điển hóa luật hình sự lần thứ nhất năm 1985.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Bộ luật hình sự 1985 ra đời là một thành tựu lớn của trí tuệ lập pháp hình sự nước ta, đã có tác dụng to lớn trong công cuộc bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần tích cực vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27/6/1985 là Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện quy phạm pháp luật về hình sự.

1.2.4. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay

Đến Bộ luật hình sự năm 1999 đã không dùng thuật ngữ “tương xứng” mà thay thế bằng thuật ngữ “cần thiết” tuy không làm thay đổi bản chất của chế định phòng vệ chính đáng nhưng làm cho việc vận dụng chế định này trong thực tiễn đấu tranh có hiệu quả hơn.

Trong 15 năm tồn tại và có hiệu lực, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã góp phần tích cực trong công tác đấu tranh chống lại những hành vi xâm phạm đến

lợi ích của Nhà Nước, tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng thời nhắc nhở, giáo dục mọi người ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về phòng vệ chính đáng trên toàn quốc.

1.3. CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC

Cũng giống như luật Hình sự Việt Nam, Luật Hình sự của các nước trên thế giới bên cạnh việc quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm còn có các quy định cho phép các cá nhân được phép gây ra những thiệt hại nhất định cho xã hội để bảo vệ các lợi ích hợp pháp, trong đó có phòng vệ chính đáng. Để đánh giá quy định của pháp luật Việt nam về vấn đề này, chúng ta cần đối chiếu nó với quy định của pháp luật hình sự một số quốc gia về vấn đề phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự Liên bang Nga được Đuma Quốc gia (Hạ viện Liên bang Nga) thông qua ngày 24/5/1996 và Hội đồng liên bang Nga (Thượng viện Liên bang Nga) phê chuẩn ngày 05 tháng 6 năm 1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Bộ luật này đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

1.3.2. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980. Luật này được sửa đổi 5 lần vào các năm 1997, năm 1999, 2001, 2002 và năm 2005.

Trong Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có các quy định tội phạm cụ thể do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, mà hành vi phòng vệ vượt quá giới hạn cần thiết chỉ được coi là tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà thôi.

Như vậy nếu hành vi giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người theo điều 232 với tình tiết giảm nhẹ là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, Nếu gây thương tích thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 234.

Có thể thấy rằng Luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân trung hoa mặc dù cũng ghi nhận vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp này là không rõ ràng.

1.3.3. Bộ luật hình sự Thụy Điển

Bộ luật hình sự Thụy Điển thông qua năm 1962 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1965 và đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Cấu trúc của Bộ luật hình sự Thụy Điển khá đặc biệt khi thứ tự điều luật xác định theo chương. Tất cả các chương đều bắt đầu từ Điều 1. Các vấn đề về phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Chương 24 thuộc phần II các tội phạm cụ thể với tên gọi “Tự vệ và các tình huống cấp thiết khác” gồm 6 điều luật.

Qua nghiên cứu quy định về phòng vệ chính đáng trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới có thể thấy, pháp luật của các nước trên thế giới đều có những quy định nhằm bảo vệ những người có hành vi chống trả lại hành vi xâm hại để bảo vệ các lợi ích hợp pháp.

Pháp luật của các nước cũng đều quy định, nếu phòng vệ mà vượt quá mức cần thiết, mức pháp luật cho phép thì phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng nhẹ hơn tương hợp gây ra hậu quả tương tự trong các trường hợp khác.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TẠI TÂY NGUYÊN

2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Trong nội dung này, luận văn sẽ làm rõ khái niệm và những dấu hiệu pháp lý hình sự các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Các yếu tố cấu thành tội phạm là những dấu hiệu có tính chất đặc trưng cho các tội phạm này được quy định trong luật hình sự.

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý của phòng vệ chính đáng

Hiện nay có nhiều tài liệu, giáo trình đề cập đến điều kiện của phòng vệ chính đáng. Một số tài liệu, giáo trình đề cập đến điều kiện của phòng vệ chính đáng bao gồm phải đầy đủ về cơ sở, nội dung và phạm vi phòng vệ.

2.1.1.1. Điều kiện thứ nhất: Có hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp

Một trong những nhiệm vụ của Bộ luật hình sự được ghi nhận tại Điều 1 đó là: *“Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội”*.

Để thực hiện nhiệm vụ đó Bộ luật hình sự quy định các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm và quy định các chế tài để áp dụng đối với người có hành vi vi phạm.

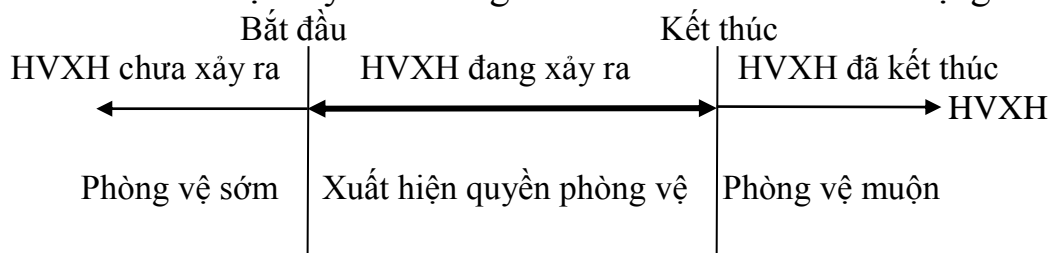
Lợi ích hợp pháp là những lợi ích của Nhà nước, tổ chức, của con người pháp luật ghi nhận và quy định như các quyền về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, về tài sản...

Vậy hiểu thế nào là có hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp, theo chúng tôi, đầu tiên hành vi đó phải do con người thực hiện.

2.1.1.2. Điều kiện thứ hai: Hành vi tấn công phải có thật và đang diễn ra

Như đã trình bày ở điều kiện đầu tiên, để có thể phát sinh quyền phòng vệ trước hết phải có hành vi xâm hại vào lợi ích hợp pháp. Tuy nhiên, trong thực tế hành vi tấn công xâm hại tới lợi ích hợp pháp diễn ra ở những trạng thái khác nhau:

Để làm rõ điều kiện này hơn chúng ta có thể biểu diễn nó dưới dạng sơ đồ sau:



Tóm lại, khi nghiên cứu hai điều kiện trên tức là khi có hành vi nguy hiểm đáng kể đang xâm hại vào lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của con người, hành vi đó là hành vi trái pháp luật, đang diễn ra thực sự, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì mọi người được thực hiện hành vi phòng vệ.

2.1.1.3. Điều kiện thứ ba: Phòng vệ chính đáng phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi xâm hại

Ở điều kiện thứ nhất và điều kiện thứ hai đã trình bày cơ sở của phòng vệ chính đáng là hành vi tấn công xâm phạm lợi ích hợp pháp đang tồn tại một cách khách quan thì điều kiện này chỉ ra đối tượng và những loại thiệt hại của người có hành vi phòng vệ gây ra.

Tóm lại: Pháp luật cho phép người thực hiện hành vi được gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhưng phải cho chính người có hành vi xâm hại. Nếu gây thiệt hại cho người thứ ba không liên quan thì không được coi là điều kiện của phòng vệ chính đáng.

2.1.1.4. Sự chống trả trong phòng vệ chính đáng là cần thiết.

Sự chống trả trong phòng vệ chính đáng được xác định phải là gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, tấn công xâm phạm những lợi ích hợp pháp, đồng thời thiệt hại mà người phòng vệ gây ra cho người có hành vi tấn công đó là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

2.1.2. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 – Bộ luật hình sự)

Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây thiệt hại về tính mạng cho người có hành vi xâm hại.

2.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Tội phạm xâm phạm đến quyền được sống của con người. Cuộc sống của mỗi con người bắt đầu từ thời điểm lọt lòng người mẹ và đến khi tắt thở, tìm ngừng đập theo quy luật của cuộc sống tự nhiên.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Tội phạm này được thể hiện ở hành vi tước đoạt cuộc sống của người đang có hành vi xâm hại vào lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc của người khác.

Hành vi khách quan được thể hiện bằng hành động dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của nạn nhân bằng các cách thức khác nhau như dùng tay chân đâm đá, dùng vũ khí... Việc dùng sức mạnh có thể có sự hỗ trợ của các loại công cụ, phương tiện để tác động vào nạn nhân.

Để thấy được đặc trưng của hành vi giết người trong trường hợp này và phân biệt hành vi này khác với các tội giết người khác cần xác định tình huống xảy ra chứa đựng những dấu hiệu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nạn nhân là người có hành vi xâm hại vào lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi xâm hại của nạn nhân có

thể là hành vi phạm tội hoặc là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Thứ hai, hành vi xâm hại của nạn nhân phải đang diễn ra (đã bắt đầu mà chưa kết thúc).

Thứ ba, Hành vi tấn công của người phạm tội phải tác động trực tiếp lên cơ thể của người có hành vi xâm hại.

Thứ tư, hành vi phòng vệ của người phạm tội là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

2.1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý.

Về lý trí, khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi xâm hại, người phạm tội đều xác định được làm như thế là nguy hiểm và có thể gây ra cái chết cho người có hành vi xâm hại

Về ý chí, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi tấn công lại để dập tắt sự xâm hại.

2.1.2.4. Chủ thể của tội phạm

Tội phạm này được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tức là người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Mức cao nhất của hai khung hình phạt quy định cho tội phạm này chỉ là 2 năm và 5 năm, nên tội phạm này chỉ là ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Vì vậy chủ thể của tội phạm phải từ đủ 16 tuổi trở lên từ đủ.

2.1.2.5. Hình phạt

Điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm ở cấu thành cơ bản (khoản 1).

Khoản 2 (cấu thành tăng nặng) quy định tình tiết giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm.

2.1.3. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 – Bộ luật hình sự)

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe cho người có hành vi xâm hại.

2.1.3.1. Khách thể của tội phạm

Tội phạm này xâm phạm vào quyền bảo hộ về sức khỏe của con người.

Sức khỏe của con người là tình trạng sức lực của con người đang sống trong điều kiện bình thường. Xâm phạm về sức khỏe con người là thông qua sự tác động làm cho người đó mất đi một phần hay toàn bộ sức lực có sẵn của chính người đó, làm cho họ khó khăn trong cử động, hoạt động so với trước khi họ bị hành vi xâm hại tác động tới.

2.1.3.2. Mặt khách quan của tội phạm

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có các loại hành vi khách quan sau:

- Gây thương tích cho người có hành vi xâm hại là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của người đó làm cho bộ phận của cơ thể bị biến dạng không còn trạng thái và tính năng bình thường ban đầu. Việc dùng sức mạnh vật chất có thể dùng chân tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy... tác động lên các bộ phận trên cơ thể.

- Gây tổn hại cho sức khỏe của người có hành vi xâm hại là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của con người làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ.

Tính đặc trưng của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp này giống với những yếu tố đặc trưng của tình huống giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đó là:

Thứ nhất, nạn nhân là người có hành vi xâm hại vào lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi xâm hại của nạn nhân có thể là hành vi phạm tội hoặc là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Thứ hai, hành vi xâm hại của nạn nhân phải đang diễn ra (đã bắt đầu mà chưa kết thúc).

Thứ ba, Hành vi tấn công của người phạm tội phải tác động trực tiếp lên cơ thể của người có hành vi xâm hại.

Thứ tư, hành vi phòng vệ của người phạm tội là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

2.1.3.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Về lí trí, khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi xâm hại, người phạm tội đều xác định được làm như thế là nguy hiểm và có thể gây ra thương tích cho người có hành vi xâm hại.

Về ý chí, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi tấn công lại để dập tắt sự xâm hại. Với hậu quả, có thể họ xác định rõ hậu quả sẽ gây thương tích cho người có hành vi xâm hại và cho rằng chỉ có hậu quả đó xảy ra mới chấm dứt được hành vi xâm hại nên hướng hành vi vào để đạt được hậu quả đó, nhưng cũng có thể chủ thể không xác định trước hậu quả nhưng bỏ mặc cho hậu quả xảy ra (hậu quả đến đâu thì đến, miễn là dập tắt được hành vi xâm hại) miễn là dập tắt được hành vi xâm hại.

3.1.3.4. Chủ thể của tội phạm

Tội phạm này được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tức là người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Mức cao nhất của hai khung hình phạt quy định cho tội phạm này chỉ là 1 năm và 3 năm, nên tội phạm này chỉ là ít nghiêm trọng. Vì vậy, chủ thể của tội phạm phải từ đủ 16 tuổi trở lên từ đủ.

2.1.3.5. Hình phạt

Trong khoản 1 (cấu thành cơ bản) quy định hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

Trong khoản 2 (cấu thành tăng nặng) quy định hình phạt tù từ một năm đến ba năm cho trường hợp phạm tội đối với nhiều người.

2.2. THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2014

2.2.1. Tình hình chính trị, kinh tế xã hội trên địa bàn Tây Nguyên

Với sự phức tạp của kết cấu dân cư như vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự nói chung và tình hình tội phạm trên địa bàn.

Những yếu tố trên đã làm cho các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người ngày càng diễn biến phức tạp, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, sự manh động của con người trong hành xử ngày càng trầm trọng làm cho tính mạng, sức khỏe của con người đứng trước nguy cơ bị đe dọa bất cứ lúc nào.

2.2.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên

Nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong thời gian 05 năm (2010 - 2014) trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng cho thấy:

2.2.2.1. Về công tác điều tra

Bảng 2.1: Bảng thông kê số vụ án giết người mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	31	37	36	28	37	169
2011	37	47	55	32	49	220
2012	33	42	51	31	45	202
2013	32	41	47	34	47	201
2014	36	50	54	34	46	220
Tổng cộng	169	217	243	159	224	1012

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Bảng 2.2. Bảng thông kê số vụ án giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	1	1	2	0	1	5
2011	1	1	2	1	1	6
2012	2	1	1	0	2	6
2013	0	1	0	1	1	3
2014	0	1	1	1	0	3
Tổng cộng	4	5	6	3	5	23

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Bảng 2.3: Thống kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	247	372	412	134	264	1429
2011	372	408	423	183	271	1657
2012	323	322	396	134	237	1412
2013	337	343	402	169	266	1527
2014	315	484	437	208	285	1729
Tổng cộng	1594	1929	2070	828	1323	7744

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Bảng 2.4: Bảng thông kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	2	3	3	0	1	9
2011	2	6	7	2	3	20
2012	4	4	6	1	2	17
2013	3	2	4	1	5	15
2014	1	5	6	2	3	17
Tổng cộng	12	20	26	6	14	78

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Sau khi kết thúc điều tra, hồ sơ vụ án được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố 989 vụ án giết người (tỷ lệ 97,7%), đình chỉ điều tra 5 vụ (tỷ lệ 0,49%), tạm đình chỉ điều tra 14 vụ (tỷ lệ 1,38%), chuyển tỉnh khác điều tra 4 vụ (chiếm tỷ lệ 0,39%).

Các vụ án giết người bị đình chỉ điều tra đều được xác định là phòng vệ chính đáng. Các vụ án tạm đình chỉ điều tra đảm bảo có căn cứ, đúng quy định pháp luật và thuộc các trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can hoặc chưa biết bị can hiện đang ở đâu.

2.2.2.2. Công tác truy tố, xét xử

Giai đoạn 2010 - 2014, VKSND và Tòa án nhân dân các cấp trong địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đã truy tố, xét xử 101 vụ án về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng với 126 bị cáo.

Bảng 2.5: Bảng thông kê số vụ án về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đã đưa ra xét xử từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	3	4	5	0	2	14
2011	3	7	9	3	4	26
2012	6	5	7	1	4	23
2013	3	3	4	2	6	18
2014	1	6	7	3	3	20
Tổng cộng	16	25	32	9	19	101

(Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Qua số liệu thống kê cho thấy, tình hình tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng không nhiều nhưng diễn biến phức tạp, tăng giảm không đều.

Tuy nhiên do tính phức tạp của loại án này cho nên hai năm gần đây việc xem xét các yếu tố liên quan đến phòng vệ chính đáng có phần giảm so với trước đây.

2.3. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Thực tiễn xử lý các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cho thấy, bên cạnh việc xác định đúng, chính xác và có căn cứ các trường hợp phòng vệ chính đáng để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, thì việc xác định vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đúng đắn cũng góp phần xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội. Tuy nhiên, là một vấn đề khá phức tạp trong thực tiễn áp dụng, trong quá trình nghiên cứu, khảo sát thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, chúng tôi nhận thấy có một số tồn tại trong thực tiễn như sau:

Một là, một số trường hợp chưa xác định được ranh giới chính xác trường hợp nào là phòng vệ chính đáng, trường hợp nào không phải là phòng vệ chính đáng bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Hai là, khi xem xét hành vi chống trả của người phòng vệ chưa sự thống nhất trong xác định căn cứ để chứng minh thế nào là cần thiết

Ba là, ranh giới để xác định trường hợp nào là phòng vệ chính đáng, trường hợp nào là tình thế cấp thiết chưa được xác định đúng đắn bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bốn là, chưa phân biệt được rõ phòng vệ chính đáng với hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến áp dụng chưa đúng.

Năm là, việc định tội danh chưa chính xác giữa tội giết người, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Sáu là, quy định chế định phòng vệ chính đáng nằm trong phần “tội phạm” chưa đảm bảo đúng bản chất của một hành vi chính đáng được Nhà nước cho phép

Bảy là, trách nhiệm hình sự đối với trường hợp “làm chết nhiều người” và có

ý gây thương tích tổng tỷ lệ thương tật trên 31% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chưa được quy định rõ ràng trong khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành
Tám là, quy định tình tiết giảm nhẹ “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là không cần thiết

Chương 3

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG VÀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Trên cơ sở phân tích quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng trong quá trình xử lý tội phạm trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, những quy định của pháp luật hình sự hiện hành về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đã giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật bảo vệ được lợi ích cho những người tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, khích lệ được tinh thần của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng vẫn còn bộc lộ nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu xem xét.

3.2. CƠ SỞ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Sau khi đã nghiên cứu và trên cơ sở thực tiễn áp dụng, học viên có một số nhận xét làm cơ sở đề xuất hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về phòng vệ chính đáng.

Thứ hai, về hậu quả pháp lý của hành vi do người phòng vệ chính đáng thực hiện.

Thứ ba, trước yêu cầu hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ và bảo đảm quyền con người, việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết.

Thứ tư, Bộ luật hình sự quy định:

Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96) như sau: Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm... và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106) như sau: Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm...

Theo chúng tôi, xuất phát từ *động cơ* là muốn bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của công dân và của bản thân, vì thế, để nhân đạo hóa hơn nữa chính sách hình sự, chúng ta cần giảm bớt khả năng trấn áp về hình sự đối với hai loại tội phạm này bằng việc giảm bớt mức khởi điểm của các khung hình phạt.

Thứ năm, việc cụ thể hóa hay lượng hóa rõ ràng nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật được chính xác trong khoản 2 Điều 96 ghi nhận giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, và nên chỉnh sửa thành con số cụ thể.

Thứ sáu, nhằm khuyến khích mọi người phòng vệ chính đáng và thể hiện rõ hơn nữa chính sách hình sự trong phòng ngừa và chống tội phạm, phát huy sức mạnh của toàn xã hội, của mọi người dân thì hình phạt dành cho những người phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng cần đa dạng hóa cả hình phạt tiền và giảm nhẹ hình phạt tù.

Thứ bảy, cần quy định rõ trong Phần chung về phòng vệ chính đáng những trường hợp đương nhiên là phòng vệ chính đáng như: Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác; Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ; Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm. Việc quy định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng pháp luật đúng và chính xác, tránh gây tranh cãi hay nhầm lẫn trong áp dụng trên thực tế.

Thứ tám, việc quy định về phòng vệ chính đáng cần được tách ra trong một chương riêng cùng những quy định khác có cùng tính chất loại trừ tính tội phạm của hành vi và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tên chương này có thể là “*Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*” hoặc “*Những trường hợp không phải là tội phạm*” thì sẽ phù hợp hơn với việc sắp xếp như Bộ luật hình sự hiện hành.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

3.3.1. Trước mắt nên ra văn bản hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu căn cứ xác định hành vi chống trả của người phòng vệ được coi là cần thiết

- Lợi ích bị xâm phạm càng quan trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả càng mạnh mẽ bấy nhiêu, và phải luôn đặt trong hoàn cảnh cụ thể.
- Tính chất, mức độ của hành vi càng nguy hiểm và nghiêm trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả thể hiện quyết liệt và rõ ràng hơn.
- Môi trường quan giữa lực lượng giữa bên xâm hại và người phòng vệ
- Thời gian cũng là yếu tố quan trọng, vì nếu hành vi chống trả giữa ban ngày và ban đêm có thể khác nhau.
- Không gian xảy ra sự việc.
- Thái độ, tâm lý của người phòng vệ khi xảy ra sự việc.

Bổ sung thêm quy định nếu người xâm hại có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người phòng vệ thì người phòng vệ không nhất thiết là xâm phạm lại tính mạng, sức khỏe cho người xâm hại lại mới là phòng vệ. mà có thể

phòng vệ bằng cách gây thiệt hại khác là tài sản nhưng phải là có căn cứ phù hợp để bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho mình.

3.3.2. Nên quy định chế định phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành thành một phần riêng, tách biệt ra với phần quy định trong Chương tội phạm cùng với các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác

Trong quy định của pháp luật cũng đã quy định bằng những cụm từ rõ ràng trong quy định tại Điều 15 BLHS là:

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

Do đó, phòng vệ chính đáng là một hành vi chính đáng được Nhà nước cho phép và bảo vệ, từ quy định của pháp luật trở nên mâu thuẫn với hình thức thể hiện dễ gây sự hiểu sai bản chất thật sự của quy định. Vì vậy, nên quy định chế định phòng vệ chính đáng ra một Chương riêng, tách khỏi Chương quy định tội phạm, để người dân cũng như những người thực thi pháp luật hiểu đúng bản chất của phòng vệ chính đáng. Trong chương này cần quy định cùng với phòng vệ chính đáng là các vấn đề về sự kiện bất ngờ, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, tình thế cấp thiết...

3.3.3. Cần sửa đổi quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng cụ thể hóa các trường hợp được quyền phòng vệ

Do quy định hiện hành không động viên được người dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, thậm trí là đấu tranh với hành vi xâm phạm lợi ích của chính mình vì lo ngại vào sự phán xét của cơ quan bảo vệ pháp luật. Mặt khác, quy định như hiện nay vô hình chung bó tay các cơ quan chức năng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là đối với các trường hợp phạm tội có sử dụng vũ khí như tội phạm ma túy, cướp tài sản sau đó bắt cóc con tin, lâm tặc có sử dụng vũ khí chống lại lực lượng bắt giữ... Do đó cần sửa đổi theo hướng gắn chặt hơn với bảo vệ lợi ích cá nhân, thay vì nhà nước, tổ chức như trước đây đồng thời khẳng định luôn trong Luật một số trường hợp sẽ đương nhiên xác định là phòng vệ chính đáng mà không cần phải thông qua việc đánh giá của các cơ quan tố tụng như: người phạm tội đang sử dụng vũ khí hoặc có biểu hiện sử dụng vũ khí ngay lập tức để chống lại việc bắt giữ hoặc thực hiện tội phạm;... Đây cũng là điều mà pháp luật của một số nước như Nga, Trung Quốc đã quy định... Đồng thời vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cần tách thành một điều luật riêng, Với quan điểm này, Điều 15 cần sửa đổi như sau:

Phương án 1:

Điều 22. Phòng vệ chính đáng (sửa đổi)

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau:

a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;

b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;

c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm.

3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

4. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng do hốt hoảng, sợ hãi hoặc hoảng loạn thì có thể được miễn hình phạt.

Phương án 2:

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.</p> <p>2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả một cách <i>trương xướng và</i> cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm <i>và người thực hiện hành vi đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.</i></p> <p><i>2. Trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù, đang bị giam giữ hoặc bị bắt hoặc bị tước tự do dưới hình thức khác mà bỏ trốn hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống trả người có nhiệm vụ canh giữ hoặc giám sát thì được phép dùng vũ lực nếu căn cứ vào hoàn cảnh thực tế mà việc dùng vũ lực đó được coi là lý do chính đáng để ngăn chặn việc bỏ trốn hoặc duy trì trật tự.</i></p> <p>3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự, <i>nhưng cần được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt.</i></p> <p><i>4. Cũng được coi là phòng vệ chính đáng trong trường hợp chống trả người phạm tội hiếp dâm có sử dụng vũ lực, cướp có vũ khí hoặc có hành vi tấn công, đột nhập ban đêm vào chỗ ở của người khác.</i></p>

Phương án 3:

Điều 15 hiện hành

Điều 15. Phòng vệ chính đáng

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 15 sửa đổi

Điều 15. Phòng vệ chính đáng

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau:

a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;

b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;

c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người.

Điều 15b. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

3.3.4. Cần thêm quy định cụ thể gây thương tích cho nhiều người và “làm chết nhiều người” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành và giảm mức hình phạt đối với các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Hiện nay, hình phạt quy định cho các tội này chưa quy định hình phạt tiền, vì vậy, cần sửa đổi theo hướng giảm hình phạt và thêm hình phạt tiền vào các tội phạm này. Theo đó các tội này cần sửa đổi như sau:

Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.

Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi)

1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 150 triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ từ 6 tháng đến 02 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 02 năm.

2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm.

Theo tác giả nên thêm cụm từ “làm chết nhiều người”, và quy định thêm yếu tố “tổng tỷ lệ thương tật của những người khác” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện

hành nhằm tránh sự tranh cãi về việc xử lý trong vụ án hình sự. Điều 106 BLHS hiện hành theo người viết được sửa lại như sau:

<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p> <p>2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.</p>	<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi)</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tích từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 06 tháng năm đến 03 năm.</p> <p>a) Phạm tội cố ý gây thương tích đối với nhiều người mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc gây thương tích cho nhiều người trong đó một người có tỷ lệ thương tật trên 31%, tổng tỷ lệ thương tật của những người khác đạt trên 31%, thậm chí cao hơn thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.</p> <p>b) Phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến làm chết nhiều người thì bị phạt tù từ ba năm đến năm năm.</p>
---	---

3.3.5. Hình phạt tù trong các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên giảm xuống để thể hiện rõ hơn chính sách hình sự của nhà nước về các trường hợp phạm tội này. Ngoài ra cần cụ thể hóa số nạn nhân để tiện cho việc áp dụng pháp luật

*** Về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 Bộ luật hình sự)**

Tại phương án 1 thì hình phạt được giảm xuống đối với trường hợp phạm tội này, nhưng tại phương án 2 theo Dự thảo sửa đổi bổ sung mới nhất thì hình phạt lại có tăng nặng thêm tại khoản 1 là đến 2 năm. Tuy nhiên dự thảo lại cụ thể hóa nhiều người thành 02 người tại khoản 2 Điều này để hoàn chỉnh hơn trong kỹ thuật lập pháp và thuận tiện cho thực tiễn áp dụng.

Phương án 1:

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.</p>	<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.</p>

Phương án 2:

Điều 124. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi)

1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến **02 năm**.

2. Giết từ **02 người** trở lên trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

** Về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 Bộ luật hình sự)*

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng 1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm. 2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.	Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng 1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm. 2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

3.3.6. Nên có thêm hướng dẫn rõ ràng hơn về vấn đề phương tiện và phương pháp của người phòng vệ và người xâm hại

Trong các văn bản hướng dẫn về hành vi của người phòng vệ có nêu “người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng”, hành vi phòng vệ thể hiện một quyền của con người, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật cho phép và khuyến khích thực hiện, do đó người có hành vi xâm hại thì người phòng vệ có quyền bảo vệ mình, do người phòng vệ không có sự tấn công bất ngờ không có sự đề phòng trước, nên phương tiện, phương pháp đối phó nhất thời của người phòng vệ có thể không bằng sự nguy hiểm do phương tiện, phương pháp của người xâm hại gây ra, cũng có thể hơn phương tiện, phương pháp của người xâm hại, vì thế không bắt buộc là phải ngang bằng.

3.3.7. Nên bỏ đi tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS

Nếu thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều 15 BLHS:

Thì hành vi của người phòng vệ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhưng hành vi phòng vệ quá mức cần thiết theo khoản 2 Điều 15 BLHS:

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài: “**Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)**” cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Quyền phòng vệ chính đáng phải nằm trong một khuôn khổ nhất định và có những điều kiện nhất định để tránh những trường hợp lạm dụng quyền phòng vệ chính đáng để xâm phạm vào lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của

tổ chức, con người. Pháp luật bảo đảm quyền phòng vệ chính đáng, nhưng cũng nghiêm trị những hành vi lạm dụng, vượt quá quyền này gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

2. Qua nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của phòng vệ chính đáng cho thấy, quy định hiện nay của Luật hình sự Việt Nam về vấn đề này mặc dù đã cụ thể hơn trước và hơn pháp luật của nhiều nước trên thế giới, nhưng vẫn còn những quy định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến có có các quan điểm cách hiểu khác nhau về phòng vệ chính đáng. Chính vì vậy việc bảo đảm áp dụng các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng sẽ vướng mắc ngay từ quy định của luật thực định. Do vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu để có thể quy định rõ ràng hơn.

3. Hiện nay, các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng ngày càng gia tăng đòi hỏi việc áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền cần phải nhanh và chính xác hơn nữa. Cho nên, để đạt được điều việc này thì ngoài việc quy định Điều 15, Điều 96 và Điều 106 của Bộ luật hình sự năm 1999 về phòng vệ chính đáng, tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những văn bản hướng dẫn thì cần thiết có những văn bản hướng dẫn cụ thể và chính xác hơn với sự đúc rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở thực tiễn xét xử của cơ quan lập pháp.

4. Trước yêu cầu hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ và bảo đảm quyền con người, việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết. Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là cần thiết, có ý nghĩa chính trị, xã hội, an toàn và an ninh, hợp tác quốc tế, đồng thời phòng và chống tội phạm.

5. Để các quy định về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nói riêng đi vào cuộc sống, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người, quyền công dân, cũng như xác định chính xác tội phạm với trường hợp không phải là tội phạm, giữa trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự với trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự, đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp khác song song với giải pháp hoàn thiện Bộ luật hình sự đã nêu như sau:

- Tiếp tục nâng cao và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân, chủ động phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội; xây dựng Quy chế cho các Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, Đội Dân phòng;

- Tăng cường sự giám sát, kiểm sát của Viện kiểm sát trong các vụ án về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

- Ngoài ra, cần có những chương trình, giải pháp để nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp lý cho những người tiến hành tố tụng, những cán bộ, chiến sĩ thi hành công vụ; v.v...

- Hệ thống hóa và chính xác công tác thống kê tư pháp, thống kê hình sự; xây dựng các chuyên đề tập huấn về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự còn chưa thống nhất, vướng mắc, đặc biệt liên quan đến vấn đề trên.